TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐS** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST Ngày: 14 - 09 - 2022 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Lê Hoàn Sinh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Hữu **C**; sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn **TT**, xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thị **L**; sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn **TT**, xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt anh **C**, chị **L**. Anh **C** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị **L** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/04/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Hữu **C** trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị **L** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 05/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng không có thời gian hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay

anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị **L**.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị **QA**, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Lê Hữu **T**, sinh ngày 11/12/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị **L**. Nếu ly hôn, anh đề nghị giao cả hai con cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng mỗi tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng từ tháng 10/2022 cho đến khi các đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh **C** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 20/05/2022 chị Nguyễn Thị **L** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu **C** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, lý do là anh **C** thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh **C** khởi kiện xin ly hôn chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh **C**.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị **QA**, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Lê Hữu **T**, sinh ngày 11/12/2013. Nếu ly hôn, chị đề nghị giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng mỗi tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất 8m chiều dài và 100m, chị **L** yêu cầu chia đôi tài sản cho mỗi người một nửa.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh **C** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị **L** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Lê Hữu **C** được ly hôn chị Nguyễn Thị **L**. Giao cả hai cháu Lê Thị **QA**, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Lê Hữu **T**, sinh ngày 11/12/2013 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **C** cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng mỗi tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Nguyễn Thị **L** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị **L** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị **L** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị **L** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không **T** hành hoà giải được. Đây là trường hợp không **T** hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị **L** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị **L** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị **L**.

Anh Lê Hữu **C** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh **C**.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Hữu **C** và chị Nguyễn Thị **L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị **L** lên làm việc để chị **L** được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị **L** đều không có mặt, thể hiện chị **L** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh **C**, chị **L** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh **C** được ly hôn chị **L**.

[3] Về con chung: Anh **C** và chị **L** hai con chung là cháu Lê Thị **QA**, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Lê Hữu **T**, sinh ngày 11/12/2013. Xét thấy, hiện tại hai cháu đang ở với chị **L**, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị **L** nếu anh chị ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho hai cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh **C**, chị **L** giao cả hai cháu Anh và **T** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **C** cấp dưỡng cho mỗi cháu 2.000.000 đồng mỗi tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Anh **C** không yêu cầu, chị **L** tại bản tự khai có yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng vắng mặt tại tất cả các lần được Tòa án triệu tập, buổi hòa giải, phiên tòa nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Hữu **C** được ly hôn chị Nguyễn Thị **L**.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị **QA**, sinh ngày 04/10/2012 và cháu Lê Hữu **T**, sinh ngày 11/12/2013 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh **C** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Hữu **C** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **ĐS**, theo biên lai số AA/2021/0005539 ngày 28/04/2022. Anh **C** còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Anh **C**, chị **L** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT **ĐS**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Bà Nguyễn Thị Hằng **Lê Hoàn Sinh** **Nguyễn Thanh Tân**